

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/8/2018  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Hoài Tâm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Nguyễn Thị Bội Hoàn**

2/ Ông **Thái Cao Bình**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Hoa Kim Cúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà **Trương Thị Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2018 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lưu Thị Thu N** - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Quang H** - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2018, bản tự khai ngày 22/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Lưu Thị Thu N trình bày:*

*Về yêu cầu ly hôn:* Chị Lưu Thị Thu N và anh Trần Quang H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01/2014 ngày 07/3/2014.

*Quá trình chung sống:* Trong thời gian chung sống, giữa chị N và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu, bia rồi gây sự quậy phá, chửi bới, xúc phạm chị N. Chị N đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H vẫn không thay đổi mà bỏ bê, không quan tâm đến vợ con. Tháng 11/2015, chị N đã đưa các con về nhà cha mẹ ruột tại xã C, huyện C ở

nờ cho đến nay. Chị N và anh H đã sống ly thân nhau đến nay đã hơn một năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang H.

*Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Chị N và anh H có 02 con chung là cháu Trần Lưu Bảo N sinh ngày 16/5/2014 và cháu Trần Lưu Bảo H sinh ngày 08/11/2015. Hiện nay, các cháu N, H đang sống cùng chị N; chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho mỗi cháu.

*Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Lưu Thị Thu N đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Trần Quang H không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con và cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 15/3/2018, chị Lưu Thị Thu N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Quang H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Trần Quang H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị Lưu Thị Thu N và anh Trần Quang H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 và được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01/2014 ngày 07/3/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị N và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu bia rồi gây sự quậy phá, chửi bới, xúc phạm chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy thái độ bất cần, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh H. Điều này chứng tỏ tình

trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị Thu N.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Chị N và anh H có 02 con chung chưa thành niên là cháu Trần Lưu Bảo N sinh ngày 16/5/2014 và cháu Trần Lưu Bảo H sinh ngày 08/11/2015. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay các cháu N, H đang sống với chị N, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con. Để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển thể chất của các cháu N, H nên chấp nhận yêu cầu của chị N, tiếp tục giao các cháu N, H cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị N yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi cháu. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H phải cấp dưỡng nuôi con là cần thiết, tuy nhiên mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu là cao so với mức sống tại địa phương. Với lứa tuổi và nhu cầu hiện nay của các cháu N, H thì mức cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Chị Lưu Thị Thu N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Chị Lưu Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Lưu Thị Thu N được chấp nhận nên anh Trần Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Lưu Thị Thu N được ly hôn với anh Trần Quang H.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao các cháu Trần Lưu Bảo N sinh ngày 16/5/2014 và cháu Trần Lưu Bảo H sinh ngày 08/11/2015 cho chị Lưu Thị Thu N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Quang H phải cấp dưỡng nuôi các cháu Trần Lưu Bảo N, Trần Lưu Bảo H mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu N, H đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Chị Lưu Thị Thu N không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/0009941 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị Lưu Thị Thu N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Kể từ ngày chị Lưu Thị Thu N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng anh Trần Quang H không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Hoài Tâm**